

Khái quát quan hệ pháp luật dân sự

I. KHÁI NIỆM, TÍNH CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Khái niệm

Trong đời sống xã hội, con người luôn tham gia vào những quan hệ rất đa dạng và phong phú. Những quan hệ xuất hiện trong quá trình hoạt động xã hội của con người, từ việc sản xuất đến phân phối, lưu thông tài sản nhằm thỏa mãn các nhu cầu về vật chất, tinh thần của từng chủ thể thì được gọi là quan hệ xã hội.

Sự tồn tại của các quan hệ xã hội là khách quan, con người không thể tách mình ra khỏi xã hội hoặc đặt mình ra ngoài những mối quan hệ xã hội, “bản chất của con người là tổng hòa tất cả các quan hệ xã hội” .

Quan hệ xã hội có thể hình thành giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tổ chức, với nhà nước, giữa các tổ chức với nhau trong các lĩnh vực về tài sản, chính

trị, lao động, đất đai, hôn nhân – gia đình,... Các quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi một tổng thể phức tạp các quy phạm xã hội. Đó có thể là quy phạm pháp luật, quy phạm đạo đức, quy phạm của các tổ chức, phong tục tập quán, các tín điều tôn giáo,... Mỗi loại quy phạm xã hội đều có hiệu quả khác nhau khi tác động đến các quan hệ xã hội, trong đó các quy phạm pháp luật có hiệu quả đặc biệt, bởi lẽ quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và “bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo những định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định” : nhằm hướng các quan hệ xã hội phát sinh, phát triển phù hợp với ý chí nhà nước.

Các quy phạm pháp luật quy định cho các bên tham gia quan hệ xã hội có những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định cũng như trách nhiệm áp dụng cho mỗi bên khi có hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bên kia. Tuy nhiên, các quyền và nghĩa vụ pháp lý này chỉ được thực hiện khi xuất hiện những sự kiện cụ thể và những chủ thể tương ứng mà đã được phần giả định của các quy phạm pháp luật dự liệu trước. Khi đó, sẽ xuất hiện quan hệ pháp luật tương ứng với quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Đối tượng điều chỉnh của ngành luật dân sự là các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự. Kết quả của quá trình các quy phạm pháp luật dân sự với sự xuất hiện các sự kiện pháp lý cụ thể tác động đến các quan hệ xã hội có thành phần chủ thể nhất định sẽ dẫn đến việc hình thành các quan hệ pháp luật dân sự.

Với quan điểm **“quan hệ pháp luật là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội xuất hiện dưới tác động điều chỉnh của các quy phạm pháp luật”** thì rõ ràng khi quan hệ pháp luật dân sự phát sinh, các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân không “mất” đi mà nó tồn tại dưới hình thức quan hệ pháp luật dân sự.

Các quy phạm pháp luật dân sự quy định cho các chủ thể tham gia quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phải thực hiện hoặc kiềm chế không thực hiện những hành vi nhất định để thỏa mãn lợi ích của mình nhưng phải phù hợp với lợi ích nhà nước, được hưởng những quyền nhất định và gánh chịu trách nhiệm khi có hành vi vi phạm. Như vậy, có thể nhận thấy rằng quá trình phát sinh quan hệ pháp luật dân sự bắt đầu từ việc các chủ thể tham gia vào các quan hệ nhằm mục đích thỏa mãn các nhu cầu về lợi ích vật chất (quan hệ tài sản) hoặc lợi ích nhân thân (quan hệ nhân thân). Tuy nhiên, các lợi ích và mục đích của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự chỉ được coi là hợp pháp khi được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Như vậy, khái niệm quan hệ pháp luật dân sự có thể được hiểu như sau:

Quan hệ pháp luật dân sự là những quan hệ xã hội phát sinh từ những lợi ích vật chất, lợi ích nhân thân được các quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh, trong đó các bên tham gia bình đẳng về mặt pháp lý, quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng những biện pháp mang tính cưỡng chế.

2. Tính chất của quan hệ pháp luật dân sự

Là một quan hệ pháp luật, quan hệ pháp luật dân sự có những tính chất để phân biệt với quan hệ xã hội, các tính chất đó là:

Quan hệ pháp luật dân sự là những quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh. Quan hệ pháp luật dân sự trước hết là những quan hệ xã hội, tức là quan hệ tồn tại giữa cá nhân với cá nhân, giữa tổ chức với tổ chức, hoặc giữa các chủ thể đó với nhau,... trong giao lưu dân sự, nhưng khác với quan hệ xã hội ở chỗ những quan hệ dân sự này được các quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh. Các quy phạm pháp luật dân sự xác định trước những điều kiện để quan hệ pháp luật dân sự phát sinh, định rõ những chủ thể tham gia vào quan hệ đó, những quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ cũng như những biện pháp bảo vệ các quyền và nghĩa vụ đó khi chúng bị vi phạm.

Quan hệ pháp luật dân sự là những quan hệ mang tính ý chí.

Khi tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự, các bên đều có mục đích và lợi ích nhất định nhằm thỏa mãn các nhu cầu vật chất hoặc tinh thần. Tuy các quan hệ dân sự hình thành một cách khách quan nhưng được thực hiện thông qua hoạt động có ý thức của con người, do vậy việc tham gia hay không tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, xác định nội dung mỗi quan hệ mà họ tham gia phải xuất phát từ ý chí của các bên. Có thể nói, sự tự định đoạt, ý chí tự do thể hiện của các chủ thể được thể hiện trọn vẹn nhất, ở đỉnh cao nhất khi họ tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự. Bởi lẽ trong quan hệ này thì “việc dân sự cốt ở đôi bên”.

Tuy nhiên, các quan hệ xã hội ấy được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật mà nội dung của quy phạm pháp luật phản ánh ý chí của nhà nước, vì vậy, ý chí của các chủ thể phải bị giới hạn bởi các quy phạm pháp luật định sẵn. Quan hệ pháp luật dân sự có thể xuất hiện trên cơ sở quy phạm pháp luật hoặc trên cơ sở ý chí của các bên tham gia nhưng phải phù hợp với quy phạm pháp luật dân sự. Nói cách khác, trong quan hệ pháp luật dân sự ý chí của các chủ thể phải chịu sự tác động, điều chỉnh bởi ý chí của nhà nước thể hiện qua pháp luật. Như vậy, tính ý chí trong quan hệ pháp luật dân sự được hiểu là ý chí của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự và ý chí của nhà nước. Trong đó ý chí của các bên tham gia phải phù hợp và phục tùng ý chí của nhà nước.

Ví dụ:

+ Hợp đồng dân sự được xác lập dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện của các bên tham gia nhưng để đảm bảo cho việc hiệu lực các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một cách hợp pháp thì sự thỏa thuận đó phải tuân thủ các điều kiện do pháp luật quy định.

+ Hoặc: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng .

Quyền và nghĩa vụ của những người tham gia quan hệ pháp luật dân sự được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

Các chủ thể tự quyết định việc xác lập quan hệ pháp luật dân sự, quyết định nội dung quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật dân sự mà họ tham gia. Các quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự được thực hiện chủ yếu nhờ sự tự nguyện và ý thức tự giác của các bên tham gia. “Các bên phải nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình và tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, nếu không tự nguyện thực hiện thì có thể bị cưỡng chế thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, các chủ thể có các quyền và nghĩa vụ và chúng được đảm bảo thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

Ví dụ: Điều 255 BLDS 2005 quy định: “Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu Toà án, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền chiếm hữu và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền tự bảo vệ tài sản thuộc sở hữu của mình, tài sản đang chiếm hữu hợp pháp bằng những biện pháp theo quy định của pháp luật”.

Cần lưu ý rằng các biện pháp cưỡng chế do luật dân sự quy định tác động chủ yếu về mặt tài sản của người có hành vi vi phạm mà không tác động trực tiếp đến nhân

thân của người này, thể hiện ở việc buộc người có hành vi vi phạm phải bồi thường những thiệt hại, buộc phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định nhằm khắc phục những hậu quả xấu về tài sản đã gây ra. Vì vậy, trách nhiệm tài sản được xem là loại trách nhiệm đặc trưng của luật dân sự.

3. Đặc điểm quan hệ pháp luật dân sự

Xuất phát từ đối tượng điều chỉnh và đặc điểm phương pháp điều chỉnh của luật dân sự mà quan hệ pháp luật dân sự có những đặc điểm riêng biệt để phân biệt với những loại quan hệ pháp luật khác:

Quan hệ pháp luật dân sự tồn tại ngay cả trong trường hợp không có quy phạm pháp luật nào trực tiếp điều chỉnh.

Trong quá trình xây dựng pháp luật dân sự, các nhà làm luật luôn cố gắng dự liệu hết những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong đời sống thực tế cần được điều chỉnh. Nhưng do phạm vi điều chỉnh rất rộng, các quan hệ dân sự rất đa dạng, phức tạp, thay đổi rất nhanh, không ngừng phát triển dẫn đến việc khi ban hành các văn bản pháp luật, các nhà lập pháp không dự liệu được hết các quan hệ xã hội cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật dân sự.

Tình trạng này đã tạo ra “lỗ hổng” trong pháp luật dân sự. Trong trường hợp thiếu pháp luật để điều chỉnh như thế, phương hướng giải quyết mang tính nguyên tắc là phải xây dựng pháp luật. Nhưng trong khi chưa xây dựng kịp, để bảo vệ lợi ích

của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức, nhằm để các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng pháp luật BLDS đưa ra nguyên tắc: “Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì có thể áp dụng tập quán, nếu không có tập quán thì có thể áp dụng quy định tương tự của pháp luật” (xem lại bài 2)

Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự đều bình đẳng.

Sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự là một đặc điểm không thể tồn tại đối với các chủ thể trong quan hệ hành chính và quan hệ hình sự. Đây là đặc điểm quan trọng nhất của quan hệ pháp luật dân sự khi so sánh với các quan hệ pháp luật của các ngành luật “công”. Trong quan hệ dân sự, các bên đều bình đẳng, không được lấy lý do khác biệt về dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, hoàn cảnh kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp để đối xử không bình đẳng với nhau. Bình đẳng trong quan hệ pháp luật dân sự là bình đẳng pháp lý nghĩa là pháp luật không dành đặc quyền và không phân biệt đối xử giữa các chủ thể khi họ tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự đều bình đẳng được thể hiện ở các nội dung sau:

+ **Bình đẳng về khả năng tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự:** Mọi chủ thể đều có quyền tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự theo các điều kiện do luật định.

+ **Bình đẳng trong việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ dân sự phát sinh từ các quan hệ mà các chủ thể tham gia.**

Ví dụ: Bất kỳ cá nhân nào là chủ thể hoặc bên mua, hoặc bên bán trong hợp đồng mua bán tài sản đều có quyền và nghĩa vụ của bên mua hoặc bên bán được quy định trong chế định hợp đồng.

+ **Bình đẳng trong việc chịu trách nhiệm dân sự do hành vi vi phạm nghĩa vụ.**

Các trường hợp được miễn trách nhiệm dân sự hoàn toàn không căn cứ vào các yếu tố về địa vị xã hội, giới tính, tôn giáo, trình độ văn hóa hay nghề nghiệp,...

Bình đẳng trong quan hệ dân sự không có nghĩa là cào bằng. Trong một số trường hợp, do ý nghĩa xã hội của vấn đề mà BLDS quy định những lợi thế, ưu tiên nhất định cho chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự. Ví dụ: ưu tiên bảo vệ sở hữu nhà nước (Khoản 2 Điều 247 BLDS), quy định về giải thích hợp đồng dân sự theo hướng có lợi cho bên yếu thế (Khoản 8 Điều 409 BLDS), giải thích hợp đồng mẫu theo hướng bất lợi cho bên đưa ra hợp đồng mẫu (Khoản 2 Điều 407). Tuy nhiên, những quy định trên vẫn bảo đảm yếu tố bình đẳng trong quan hệ pháp luật dân sự, thể hiện ở chỗ, mọi chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, trong những điều kiện được pháp luật dự liệu đều được đối xử bình đẳng.

Quan hệ dân sự rất đa dạng về chủ thể, khách thể và phương pháp bảo vệ.

+ **Về chủ thể:** Có thể thấy chủ thể quan hệ pháp luật dân sự bao gồm tất cả chủ thể của quan hệ pháp luật nói chung: cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác và nhà nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, chủ thể quan hệ pháp luật dân sự được xem là đa dạng nhất so với chủ thể trong các quan hệ pháp luật khác.

+ **Về khách thể:** Các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự đều có những mục đích nhất định và khi tham gia vào những quan hệ pháp luật dân sự khác nhau về nội dung các chủ thể có những mục đích khác nhau. Xuất phát từ sự đa dạng, phong phú của quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân mà chủ thể tham gia nên khách thể của quan hệ pháp luật dân sự có thể là tài sản, hành vi, lợi ích nhân thân hoặc kết quả của hoạt động sáng tạo tinh thần.

+ **Về phương pháp bảo vệ:** Tất cả các quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác đều được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. BLDS quy định nhiều biện pháp khác nhau để các chủ thể tự bảo vệ hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ. Quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể không những chỉ do luật định mà pháp luật còn cho phép các chủ thể dự liệu và áp dụng các phương thức tự bảo vệ phù hợp nhất cho mình, miễn là không vi phạm điều pháp luật cấm, trái đạo đức xã hội.

II. CÁC THÀNH PHẦN QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Quan hệ pháp luật dân sự là một dạng của quan hệ pháp luật nên cũng được cấu thành bởi các yếu tố chủ thể, khách thể và nội dung.

1. Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự

Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự là những người tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, có quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật dân sự đó.

Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự bao gồm: cá nhân (công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch), pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác và nhà nước CHXHCN Việt Nam tham gia quan hệ pháp luật dân sự với tư cách là chủ thể đặc biệt. Sự đa dạng về chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự được giải thích. Bởi lẽ: mọi chủ thể đều có nhu cầu tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự để nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích vật chất cũng như tinh thần của bản thân. Hiện nay, pháp luật dân sự của đa số các quốc gia trên thế giới chỉ thừa nhận chủ thể quan hệ pháp luật dân sự là cá nhân và pháp nhân. Trước kia, pháp luật dân sự Việt Nam cũng chỉ thừa nhận hai chủ thể truyền thống là cá nhân và pháp nhân. Nhưng với sự ra đời của BLDS năm 1995 ngoài hai chủ thể nêu trên, pháp luật còn quy định hộ gia đình và tổ hợp tác cũng là những chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự. Việc xác định tư cách chủ thể của hộ gia đình và tổ hợp tác trong quan hệ pháp luật dân sự xuất phát từ những đặc thù của sự phát triển kinh tế xã hội. Hộ gia đình và tổ hợp tác đã và đang tồn tại với tư cách là những chủ thể trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, trong quan hệ sử

dụng đất. Tuy nhiên, hộ gia đình và tổ hợp tác là những chủ thể có địa vị pháp lý đặc biệt: không phải là cá nhân nhưng cũng không phải là pháp nhân.

Đề cập đến vấn đề chủ thể quan hệ pháp luật dân sự cần lưu ý đến những vấn đề sau đây:

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nội dung của quan hệ xã hội, năng lực pháp luật dân sự,... mỗi chủ thể chỉ có thể tham gia vào những quan hệ pháp luật dân sự nhất định.

Ví dụ: người để lại di sản thừa kế chỉ có thể là cá nhân; người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc bao gồm cá nhân (thuộc hoặc không thuộc các hàng thừa kế), bất kỳ tổ chức hoặc nhà nước nhưng người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật chỉ bao gồm cá nhân thuộc diện thừa kế và theo thứ tự các hàng thừa kế.

Như vậy, không phải mọi chủ thể quan hệ pháp luật dân sự đều được tham gia vào tất cả quan hệ pháp luật dân sự. Để xem xét khả năng tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự của các chủ thể cần xác định loại quan hệ mà chủ thể được tham gia theo quy định của pháp luật dân sự.

Theo lý luận chung về nhà nước và pháp luật, để trở thành chủ thể quan hệ pháp luật thì đòi hỏi chủ thể đó phải có **năng lực chủ thể**, tức là khả năng trở thành chủ thể quan hệ pháp luật. Năng lực chủ thể bao gồm hai yếu tố: ***năng lực pháp luật*** và ***năng lực hành vi***. Từ đó có thể hiểu để tham gia vào một quan hệ pháp luật

dân sự cụ thể, đòi hỏi chủ thể phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Nếu năng lực pháp luật dân sự là khả năng của chủ thể có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự do pháp luật quy định thì năng lực hành vi dân sự của chủ thể là khả năng của chủ thể bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Đây là điều kiện cần – năng lực pháp luật dân sự - và điều kiện đủ - năng lực hành vi dân sự - để trở thành chủ thể quan hệ pháp luật dân sự.

Ví dụ: Cá nhân có quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó . Đây là nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân. Tuy nhiên, người chưa đủ 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự, giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện . Như vậy, cá nhân chưa đủ 6 tuổi tuy có năng lực pháp luật dân sự nhưng vì không có năng lực hành vi dân sự thì họ cũng không thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự bao giờ cũng có ít nhất là hai bên: một bên có quyền và một bên có nghĩa vụ, các quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể có tính chất tương xứng và đối lập nhau. Quan hệ pháp luật dân sự trước hết là quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh. Đây là quan hệ giữa người với người, do đó luôn có ít nhất là hai bên chủ thể. Quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể mang tính đối lập: quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia, tương xứng: bên này có bao nhiêu quyền thì bên kia có bấy nhiêu nghĩa vụ.

Ví dụ: Trong hợp đồng thuê tài sản, bên cho thuê có nghĩa vụ giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, như vậy bên thuê có quyền yêu cầu bên cho thuê giao tài sản. Bên thuê có nghĩa vụ phải trả tiền thuê đối lập với quyền yêu cầu trả tiền thuê tài sản của bên cho thuê .

Phần lớn trong các quan hệ pháp luật dân sự, mỗi bên vừa có quyền vừa có nghĩa vụ tương ứng với nhau, nhưng cũng có một số quan hệ pháp luật dân sự mà một bên chỉ có quyền và một bên chỉ có nghĩa vụ.

Có những quan hệ pháp luật dân sự mà chủ thể quyền (người có quyền) và chủ thể nghĩa vụ (người có nghĩa vụ) đều được xác định cụ thể. Ví dụ: Quan hệ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hợp đồng hoặc quan hệ hợp đồng. Nhưng cũng có những quan hệ pháp luật dân sự chỉ xác định được chủ thể quyền, còn chủ thể nghĩa vụ là tất cả những người còn lại trừ chủ thể quyền.

2. Khách thể quan hệ pháp luật dân sự

Khách thể là một trong các yếu tố để cấu thành quan hệ pháp luật nói chung và quan hệ pháp luật dân sự nói riêng. Có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm khách thể. Có ý kiến cho rằng khách thể của quan hệ pháp luật dân sự là: “Cái” mà vì nó mà quan hệ pháp luật dân sự được hình thành. Theo quan điểm này thì chính nguyên nhân dẫn đến sự phát sinh quan hệ pháp luật dân sự được xác định là khách thể của quan hệ.

Ví dụ: Nguyên nhân dẫn đến việc xác lập hợp đồng mua bán nhà giữa ông A (bên bán) và ông B (bên mua) là: ông A muốn bán nhà để được sở hữu một số tiền, còn bên B muốn mua được nhà để xác lập quyền sở hữu của mình đối với căn nhà nên khách thể trong hợp đồng này là căn nhà và số tiền. Xác định khách thể theo quan điểm này dẫn đến việc trùng lặp giữa khách thể và đối tượng trong quan hệ hợp đồng là một.

Một quan điểm khác xác định khách thể dựa vào mục đích của các chủ thể: là “cái” mà các chủ thể hướng tới, tác động vào, mong muốn đạt được khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự mà chủ thể tham gia vào từng loại quan hệ pháp luật dân sự khác nhau thì có mục đích khác nhau. Ví dụ: A là chủ sở hữu một tài sản nhưng mục đích của A trong quan hệ sở hữu tài sản và khi tài sản được đưa vào hợp đồng mua bán là không giống nhau. Vì vậy, tùy vào từng loại quan hệ pháp luật dân sự mà khách thể của các loại quan hệ được xác định tương ứng khác nhau.

Sự đa dạng của quan hệ pháp luật dân sự là nguyên nhân dẫn đến sự đa dạng của khách thể quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm:

Tài sản là khách thể trong quan hệ pháp luật về quyền sở hữu.

Ví dụ: A là chủ sở hữu một xe máy. Đây là một quan hệ pháp luật dân sự về quyền sở hữu. Trong đó, chủ thể có quyền (chủ sở hữu) là A, còn chủ thể có nghĩa vụ là tất cả các chủ thể khác. “Cái” mà chủ thể quyền và chủ thể nghĩa vụ đều hướng tới

là tài sản: lợi ích vật chất, xe máy mà chủ thể có quyền hưởng tới, tác động vào, mong muốn có được khi tham gia quan hệ pháp luật về quyền sở hữu.

Hành vi trong quan hệ nghĩa vụ và hợp đồng.

Nghĩa vụ là một quan hệ pháp luật dân sự mà trong đó quyền và nghĩa vụ của các bên luôn đối lập nhau một cách tương ứng. Trong quan hệ nghĩa vụ lợi ích của chủ thể có quyền có được đáp ứng hay không phải thông qua hành vi thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ.

Ví dụ: Lợi ích của bên cho vay tiền (được nhận lại số tiền gốc và tiền lãi) phụ thuộc vào hành vi trả nợ của bên vay; Lợi ích của bên bán (được nhận tiền từ việc bán tài sản) phụ thuộc vào hành vi thanh toán tiền mua tài sản từ bên mua.

Khách thể của quan hệ nghĩa vụ là những xử sự của các bên chủ thể mà chỉ thông qua đó quyền yêu cầu cũng như nghĩa vụ của các bên chủ thể mới được thực hiện. Hành vi thực hiện nghĩa vụ là một phương tiện mà thông qua đó quyền lợi của các chủ thể được đáp ứng. Vì vậy, trong các quan hệ về nghĩa vụ và hợp đồng, hành vi là cái mà các chủ thể đều hướng tới, là khách thể của các quan hệ này.

Các giá trị nhân thân trong các quan hệ nhân thân.

Giá trị nhân thân là cơ sở làm phát sinh lợi ích nhân thân. Đó là các lợi ích phi vật chất gắn liền, không thể tách rời với một chủ thể nhất định như: danh dự, nhân phẩm, hình ảnh,.... “Cái” mà các chủ thể trong quan hệ nhân thân hướng đến,

mong muốn đạt được là việc được công nhận, duy trì các giá trị nhân thân của mình và các giá trị nhân thân ấy được pháp luật bảo vệ khi bị xâm phạm.

Kết quả của quá trình hoạt động tinh thần sáng tạo.

Thỏa mãn các nhu cầu của con người không chỉ là của cải vật chất mà còn có các giá trị tinh thần, các sản phẩm trí tuệ để phục vụ nhu cầu tinh thần và quá trình sản xuất vật chất. Trong lao động thì lao động sáng tạo là một loại lao động đặc biệt, kết quả của quá trình lao động sáng tạo tạo ra “tài sản vô hình”, là cơ sở để làm phát sinh quyền sở hữu trí tuệ cho một chủ thể nhất định. Kết quả của quá trình lao động tinh thần sáng tạo được thể hiện trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng mới. Ý tưởng sáng tạo là “cái” mà các chủ thể hướng tới để được công nhận và bảo vệ khi bị xâm phạm.

3. Nội dung quan hệ pháp luật dân sự

Nội dung của quan hệ pháp luật dân sự là tổng hợp các quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự của các chủ thể trong một quan hệ pháp luật dân sự cụ thể. Quyền và nghĩa vụ dân sự của các chủ thể quan hệ pháp luật dân sự liên quan đến hành vi của các chủ thể và thuộc về những người tham gia vào một quan hệ pháp luật dân sự cụ thể; chứ không phải là chủ thể của pháp luật dân sự nói chung.

Các quan hệ pháp luật chính là mối liên hệ pháp lý giữa các chủ thể tham gia quan hệ đó, thông qua các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó khi tham gia quan hệ pháp luật.

Theo quy định tại Điều 13 BLDS 2005 thì quyền và nghĩa vụ dân sự được xác lập từ các căn cứ sau đây:

1. Giao dịch dân sự hợp pháp;
2. Quyết định của Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;
3. Sự kiện pháp lý do pháp luật quy định;
4. Sáng tạo giá trị tinh thần là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ;
5. Chiếm hữu tài sản có căn cứ pháp luật;
6. Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật;
7. Thực hiện công việc không có uỷ quyền;
8. Chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật;
9. Những căn cứ khác do pháp luật quy định.

Như vậy, trong quan hệ pháp luật dân sự, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có thể phát sinh do quy định của pháp luật hoặc do các chủ thể chủ động tạo ra thông qua các giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền dân sự:

Theo khái niệm từ lý luận chung về nhà nước và pháp luật thì quyền chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu là khả năng xử sự của những người tham gia quan hệ được quy phạm pháp luật quy định trước và được bảo vệ bởi sự cưỡng chế của nhà nước. Cần lưu ý quyền chủ thể không phải là bản thân xử sự mà chỉ là khả năng xử sự. Nếu khả năng này được thực hiện trên thực tế thì xuất hiện một hiện tượng khác đó là thực hiện quyền chủ thể.

* **Khái niệm:** Quyền dân sự là khả năng được phép xử sự theo một cách nhất định hoặc được yêu cầu người khác thực hiện một hoặc nhiều hành vi nhất định trong khuôn khổ do pháp luật quy định để thỏa mãn lợi ích của bản thân và khả năng đó được đảm bảo thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

* **Nội dung:** Quyền tự định đoạt của các chủ thể trong luật dân sự đã dẫn đến một hệ quả quan trọng: các chủ thể được phép sử dụng quyền của mình theo nhiều cách thức khác nhau nhằm thực hiện lợi ích của mình. Do vậy, chủ thể quyền có thể thực hiện quyền dân sự một cách chủ động nhất, theo đó:

Chủ thể có quyền tự thực hiện các hành vi để đáp ứng yêu cầu của bản thân.

Ở hình thức này, chủ thể quyền bằng hành vi của chính mình (tự mình thực hiện hoặc thông qua người khác như ủy quyền) để thực hiện hóa các lợi ích hợp pháp như trực tiếp sử dụng tài sản, viết di chúc để định đoạt tài sản của mình sau khi chết,... Hình thức thực hiện quyền này tồn tại trong các quan hệ vật quyền khi mà hành vi của chủ thể quyền tác động lên tài sản là cách thức quan trọng nhất để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của mình.

Chủ thể có quyền được yêu cầu các chủ thể khác thực hiện những hành vi nhất định hoặc kiềm chế không thực hiện những hành vi nhất định để đáp ứng lợi ích: Khác với hình thức trên, ở đây quyền lợi của chủ thể quyền chỉ có thể được thực hiện khi

- (i) một chủ thể khác thực hiện một hoặc nhiều hành vi tích cực thể hiện ở dạng hành động
- (ii) hoặc ngược lại không thực hiện những hành vi nhất định thể hiện ở dạng không hành động.

Chính vì vậy mà quyền của chủ thể quyền được hiện thực hóa thông qua việc chủ thể quyền yêu cầu chủ thể khác thực hiện các hành vi như đã liệt kê ở trên. Sự chủ động của chủ thể quyền không thể hiện ở việc thực hiện hành vi mà là yêu cầu thực hiện những hành vi. Dạng thực hiện quyền này tồn tại trong các quan hệ trái

quyền như trong các hợp đồng dân sự, trong các quan hệ nghĩa vụ dân sự nói chung (yêu cầu giao vật, yêu cầu thực hiện dịch vụ, yêu cầu trả tiền,...).

*** Bảo vệ quyền dân sự:** Khi quyền bị xâm phạm thì chủ thể có quyền yêu cầu tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi của mình: như đã nói ở trên, quyền dân sự phát sinh trên các cơ sở luật định và do đó được pháp luật bảo vệ.

Có hai cách thức bảo vệ quyền dân sự

- (i) tự bảo vệ bởi chính chủ thể có quyền như thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo quản, quản lý tài sản trước các hành vi gây hại, yêu cầu người xâm phạm quyền tác giả của mình chấm dứt hành vi xâm phạm, ngăn chặn hành vi phá hủy tài sản của mình....
- (ii) bảo vệ thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền: khởi kiện yêu cầu hoàn trả tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu bồi thường thiệt hại,...

Ở hình thức này, việc thực hiện quyền diễn ra khi hành vi vi phạm quyền dân sự đã xảy ra trên thực tiễn, chủ thể có quyền bị xâm phạm được phép yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp luật định để khôi phục các lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm.

Các biện pháp bảo vệ quyền dân sự được BLDS 2005 quy định tại K2, Điều 9 bao gồm:

- **Công nhận quyền dân sự:** trong trường hợp quyền dân sự đang bị xâm phạm hay đang có tranh chấp thì yêu cầu công nhận quyền dân sự nhằm mục đích xác nhận quyền của một chủ thể đối với lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần hoặc có cơ sở pháp lý để từ đó thực hiện các yêu cầu khác. Ví dụ: yêu cầu công nhận quan hệ cha, mẹ, con để được hưởng di sản thừa kế và yêu cầu phân chia di sản thừa kế; công nhận mình là tác giả hoặc đồng tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

- **Buộc chấm dứt hành vi vi phạm:** chủ thể được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người có hành vi cản trở trái pháp luật, hành vi gây ra thiệt hại hoặc đang có nguy cơ gây thiệt hại, ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền năng, quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải chấm dứt hành vi vi phạm. Ví dụ: khi có nguy cơ xảy ra đối với công trình xây dựng, ảnh hưởng đến các bất động sản liền kề và xung quanh thì chủ sở hữu công trình phải cho ngừng ngay việc xây dựng, sửa chữa hoặc dỡ bỏ theo yêu cầu của chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền .

- **Buộc xin lỗi, cải chính công khai:** đây là biện pháp chỉ áp dụng cho việc bảo vệ các quyền nhân thân, đặc biệt là các quyền nhân thân không liên quan đến yếu tố tài sản. Việc xin lỗi, cải chính công khai có thể được thực hiện dưới nhiều phương thức khác nhau:

- Bằng lời nói trước Hội đồng xét xử, trước quần chúng ở địa bàn nơi cư trú của người bị xúc phạm, vu khống...
- Lời xin lỗi, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài

- **Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự:** nghĩa vụ cho dù phát sinh từ sự thoả thuận giữa các chủ thể (hợp đồng) hoặc luật định đều phải được thực hiện đúng, thực hiện đầy đủ. Khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà người có nghĩa vụ không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ thì sẽ phát sinh trách nhiệm dân sự với người có quyền. Với trách nhiệm này, người vi phạm nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định. Nếu bên có quyền đã yêu cầu mà bên có nghĩa vụ vẫn không thực hiện thì có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế buộc bên kia phải thực hiện nghĩa vụ dân sự.

- **Buộc bồi thường thiệt hại:** người có hành vi trái pháp luật, cho dù có lỗi cố ý hay vô ý, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra. Buộc bồi thường thiệt hại là biện pháp thông dụng nhất được áp dụng để bảo vệ quyền dân sự. Ngoài việc bồi thường các thiệt hại về vật chất, pháp luật còn quy định bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp. Cần lưu ý rằng không phải trong mọi trường hợp đều có thể áp dụng tất cả hoặc bất kỳ biện pháp

nào để bảo vệ quyền dân sự. Để việc bảo vệ quyền dân sự một cách hiệu quả cần phải căn cứ vào nội dung quyền bị xâm phạm mà lựa chọn biện pháp phù hợp.

Nghĩa vụ dân sự:

* **Khái niệm:** Thuật ngữ “nghĩa vụ” có thể được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau. Trong đời sống hằng ngày nghĩa vụ là sự xử sự mà một người phải thực hiện vì một hoặc nhiều người khác, nhưng sự thực hiện đó không được đặt dưới sự bảo đảm của nhà nước bằng các biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định. Ví dụ: Đã là bạn bè thì phải có nghĩa vụ giúp đỡ nhau khi bạn bè trong cơn hoạn nạn.

Nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật dân sự được hiểu là một bộ phận trong nội dung của quan hệ pháp luật dân sự. Theo kiến thức trong lý luận chung về nhà nước và pháp luật thì nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật là cách xử sự bắt buộc được quy phạm pháp luật xác định trước mà một bên phải tiến hành nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền chủ thể của bên kia. Nghĩa vụ pháp lý không phải là khả năng xử sự mà là sự cần thiết phải xử sự .

Như vậy, có thể hiểu nghĩa vụ dân sự là việc mà theo quy định của pháp luật thì một hoặc nhiều chủ thể phải làm một công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể có quyền.

* **Nội dung:** Cách xử sự của người có nghĩa vụ dân sự có thể là:

Phải thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định để mang lại lợi ích vật chất hoặc tinh thần của người có quyền.

Ví dụ: Người vay phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho người cho vay theo thỏa thuận hợp pháp trong hợp đồng ; bên thuê nhà phải trả đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn đã thỏa thuận .

Không được thực hiện những hành vi nhất định theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định.

Ví dụ: Người mượn tài sản không được cho người khác mượn lại nếu không có sự đồng ý của bên cho mượn ; nghiêm cấm việc sử dụng hình ảnh của người khác mà xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh .

Khi người có nghĩa vụ nhưng không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ một cách tự nguyện, thì họ bị buộc phải thực hiện đúng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đó. Ngoài ra, nếu do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ mà gây thiệt hại thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra.

Đây là hệ quả tất yếu, bởi lẽ khi nghĩa vụ không được thực hiện đúng, đầy đủ thì quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền sẽ bị xâm phạm mà đây là những quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ, do vậy, chủ thể có nghĩa vụ phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý.

III. PHÂN LOẠI QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Sự đa dạng, phức tạp của các quan hệ xã hội là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự dẫn đến sự đa dạng và phức tạp của các quan hệ pháp luật dân sự. Vì vậy, việc phân loại quan hệ pháp luật dân sự là cần thiết để xác định phương thức thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật, lựa chọn và áp dụng những biện pháp để bảo vệ quyền dân sự khi bị vi phạm. Khi tiến hành hoạt động phân loại cần lưu ý các vấn đề: tiêu chí phân loại, kết quả của việc phân loại và việc phân loại đó có ý nghĩa như thế nào. Trong khoa học pháp lý dân sự, quan hệ pháp luật dân sự có thể phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau:

1. Căn cứ vào đối tượng của quan hệ pháp luật dân sự.

Căn cứ vào đối tượng của quan hệ pháp luật dân sự mà quy phạm pháp luật dân sự tác động vào, thì quan hệ pháp luật dân sự chia làm hai nhóm: đó là quan hệ pháp luật dân sự về tài sản và quan hệ pháp luật dân sự về nhân thân .

Việc phân loại quan hệ pháp luật dân sự theo căn cứ này có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng, bởi lẽ chỉ có quyền và nghĩa vụ dân sự trong quan hệ pháp luật dân sự về tài sản mới được chuyển giao giữa các chủ thể. Ngược lại, trong quan hệ pháp luật dân sự về nhân thân, quyền và nghĩa vụ gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác .

Cách phân loại này cũng được sử dụng để lựa chọn biện pháp phù hợp và cần thiết để bảo vệ quyền của chủ thể. Khi quan hệ pháp luật dân sự về tài sản bị xâm phạm thì đòi hỏi phải áp dụng các chế tài mang tính chất tài sản để bảo vệ tài sản của người bị vi phạm. Nhưng khi quan hệ pháp luật dân sự về nhân thân bị xâm phạm thì ngoài việc áp dụng một số chế tài mang tính chất tài sản để bảo vệ lợi ích hợp pháp thì BLDS còn quy định một số biện pháp chỉ áp dụng cho việc bảo vệ quyền nhân thân. Điều này được BLDS quy định “ khi quyền nhân thân của cá nhân bị xâm phạm thì người đó có quyền tự mình cải chính, yêu cầu người vi phạm hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng .

2. Căn cứ vào tính xác định về chủ thể

Dựa trên cơ sở tính xác định về chủ thể quyền và chủ thể nghĩa vụ, quan hệ pháp luật dân sự được phân chia thành quan hệ pháp luật dân sự tuyệt đối và quan hệ pháp luật dân sự tương đối.

Quan hệ pháp luật dân sự tuyệt đối là quan hệ mà trong đó, chủ thể quyền được xác định cụ thể còn chủ thể có nghĩa vụ là tất cả các chủ thể còn lại (chỉ trừ chủ thể có quyền). Trong quan hệ pháp luật dân sự này nghĩa vụ của người có nghĩa vụ được thể hiện ở sự kiềm chế các hành vi, tồn tại ở dạng không hành động nghĩa là không được thực hiện bất kỳ hành vi nào nếu những hành vi đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể có quyền.

Ví dụ: quan hệ pháp luật về sở hữu tài sản là quan hệ pháp luật dân sự tuyệt đối. Do tính chất và đặc trưng của quan hệ pháp luật về sở hữu nên một bên chủ thể luôn được xác định và có các quyền năng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình, đó là chủ sở hữu. Còn chủ thể phía bên kia là tất cả những thành viên trong xã hội. Những thành viên này chưa được xác định cụ thể nhưng họ có nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền năng của chủ sở hữu. Nghĩa vụ này được thể hiện ở việc họ không được có những hành vi xâm phạm hoặc cản trở trái pháp luật đến tài sản hoặc việc thực hiện các quyền năng của chủ sở hữu.

Quan hệ pháp luật dân sự tương đối là quan hệ mà trong đó tương ứng với chủ thể quyền là một hoặc một số người có nghĩa vụ được xác định; hay nói cách khác trong quan hệ pháp luật dân sự tương đối thì chủ thể có quyền và chủ thể có nghĩa vụ đều được xác định một cách rõ ràng, cụ thể.

Ví dụ: quan hệ pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quan hệ pháp luật hợp đồng là những quan hệ pháp luật dân sự tương đối. Cá nhân A gây thiệt hại về tài sản của cá nhân B và B có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Trong quan hệ này, chủ thể quyền là B : quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, chủ thể nghĩa vụ là A: nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, cả chủ thể quyền và chủ thể nghĩa vụ đều xác định cụ thể.

3. Căn cứ vào cách thức thực hiện quyền để thỏa mãn lợi ích của các chủ thể.

Dựa vào căn cứ này quan hệ pháp luật dân sự được phân thành quan hệ vật quyền và quan hệ trái quyền. Đây là một cách phân loại truyền thống của pháp luật dân sự.

Quan hệ vật quyền là những quan hệ mà khách thể luôn là vật (tài sản) và chủ thể quyền thực hiện các quyền năng của mình đối với vật để thoả mãn lợi ích của mình một cách trực tiếp mà không phải thông qua hành vi của chủ thể khác.

Ví dụ: quan hệ pháp luật sở hữu là quan hệ vật quyền. Trong quan hệ pháp luật sở hữu thì chủ thể quyền – chủ sở hữu – tự mình thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản của mình một cách độc lập, trực tiếp bằng hành vi của chính chủ sở hữu.

Quan hệ trái quyền là quan hệ mà trong đó khách thể là hành vi và lợi ích của chủ thể quyền chỉ có thể được đáp ứng thông qua hành vi thực hiện nghĩa vụ của chủ thể có nghĩa vụ.

Ví dụ: trong các quan hệ hợp đồng thì lợi ích của bên có quyền được đáp ứng hay không phải thông qua hành vi thực hiện đúng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ thể nghĩa vụ.

4. Căn cứ vào phạm vi quyền hoặc phạm vi nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.

Trên tiêu chí này, quan hệ pháp luật dân sự được phân chia thành quan hệ đơn giản và quan hệ phức tạp.

Quan hệ pháp luật đơn giản là quan hệ mà trong đó một bên chủ thể chỉ có quyền mà không phải thực hiện một nghĩa vụ nào, còn chủ thể bên kia chỉ phải thực hiện nghĩa vụ mà không có một quyền nào. Ví dụ:

Trong quan hệ pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì người gây thiệt hại có nghĩa vụ bồi thường còn người bị thiệt hại có quyền yêu cầu được bồi thường. Quan hệ pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là quan hệ pháp luật đơn giản.

Quan hệ pháp luật phức tạp là quan hệ mà trong đó mỗi bên chủ thể vừa có quyền vừa có nghĩa vụ. Ví dụ: Trong hợp đồng mua bán tài sản, bên mua có nghĩa vụ trả tiền nhưng có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản cho mình. Ngược lại, bên bán có nghĩa vụ chuyển giao tài sản nhưng có quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền mua tài sản.

Việc phân biệt này có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện hợp đồng. Khi các bên đã thỏa thuận thời hạn thực hiện nghĩa vụ thì mỗi bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình khi đến hạn, không được hoãn thực hiện nghĩa vụ với lý do bên kia chưa thực hiện nghĩa vụ đối với mình .

IV. CĂN CỨ LÀM PHÁT SINH, THAY ĐỔI HOẶC CHẤM DỨT QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ.

Kiến thức về lý luận chung nhà nước và pháp luật chỉ rõ rằng, quan hệ pháp luật không phải là hiện tượng bất biến mà luôn xuất hiện mới, thay đổi hoặc chấm dứt. Sự xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt của quan hệ pháp luật sẽ xảy ra khi có đủ 3 yếu tố: quy phạm pháp luật, chủ thể và sự kiện pháp lý.

Quy phạm pháp luật tác động tới các quan hệ xã hội nhất định và “biến” chúng “thành” quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, quy phạm pháp luật chỉ có thể làm phát sinh quan hệ pháp luật nếu gắn liền với những sự kiện pháp lý.

1. Khái niệm sự kiện pháp lý

Sự kiện pháp lý là những sự kiện, hoàn cảnh, tình huống của đời sống thực tế được chỉ ra trong phần giả định của quy phạm pháp luật mà nhà làm luật gắn sự xuất hiện, thay đổi và chấm dứt của quan hệ pháp luật với sự tồn tại của nó , nói một cách đơn giản thì sự kiện pháp lý trong quan hệ pháp luật dân sự là những sự kiện xảy ra trong thực tế được pháp luật dân sự dự liệu, quy định làm phát sinh hậu quả pháp lý: phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự. Như vậy, không phải mọi sự kiện xảy ra trong thực tế đều là sự kiện pháp lý mà chỉ những sự kiện làm phát sinh những hậu quả pháp lý nhất định mới là sự kiện pháp lý. Đây là điểm khác nhau về bản chất giữa sự kiện pháp lý và sự kiện thông thường.

Sự kiện pháp lý rất đa dạng và phức tạp vì trong nhiều trường hợp một quan hệ pháp luật dân sự chỉ phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt khi có nhiều sự kiện pháp lý khác nhau. Trong trường hợp khi nhiều sự kiện pháp lý liên quan với nhau làm phát sinh hậu quả pháp lý thì được gọi là thành phần pháp lý. Ví dụ: việc lập di chúc và cái chết của người lập di chúc làm phát sinh quan hệ thừa kế theo di chúc. Ngược lại, một sự kiện pháp lý có thể dẫn đến nhiều hậu quả pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt nhiều quan hệ pháp luật dân sự khác nhau. Ví dụ: cái chết của một cá nhân là một sự kiện pháp lý làm chấm dứt quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể này, nhưng lại làm phát sinh quyền thừa kế tài sản của người chết ở những người được thừa kế...

2. Phân loại sự kiện pháp lý

Có nhiều cách phân loại sự kiện pháp lý:

Dựa vào hậu quả pháp lý, sự kiện pháp lý có thể phân thành:

- sự kiện làm phát sinh quan hệ pháp luật dân sự (cái chết của một người làm phát sinh quan hệ thừa kế);
- sự kiện làm thay đổi quan hệ pháp luật dân sự (các bên chủ thể trong hợp đồng thỏa thuận thay đổi nghĩa vụ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán tài sản thành nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản);

- và sự kiện làm chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự (chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu tài sản làm chấm dứt quyền sở hữu của mình đối với tài sản).

Dựa vào nguồn gốc phát sinh, sự kiện pháp lý được chia thành các loại sau:

a. Sự biến pháp lý:

Là sự kiện xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của con người. Gồm những loại sự kiện mà quá trình hình thành, diễn biến hay chấm dứt của các sự kiện ấy là hoàn toàn không phụ thuộc vào ý chí của con người. Sự biến pháp lý được phân biệt thành:

Sự biến tuyệt đối là những sự kiện xảy ra trong thiên nhiên mà sự xuất hiện, thay đổi, chấm dứt của nó hoàn toàn không phụ thuộc vào ý chí của con người. Thông thường đây là các sự kiện có tính chất thiên nhiên, gắn liền với các quá trình vận động của thiên nhiên mà con người không là nguyên nhân cũng như không thể kiểm soát và điều tiết theo ý chí của mình.

Đối với loại sự biến này do không phụ thuộc vào ý chí con người nên không ai phải gánh chịu trước chủ thể khác về các hậu quả do chúng gây ra. Các hiện tượng thiên tai chẳng hạn như núi lửa, bão tố, động đất hay sóng thần là những hiện tượng tự nhiên mà hiện nay con người chỉ dừng lại ở mức độ dự báo chứ chưa thể ngăn chặn hay hạn chế sức phá hủy.

Một sự kiện như vậy xảy ra có thể ảnh hưởng đến các quan hệ pháp luật dân sự, các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ dân sự, chẳng hạn chấm dứt quyền sở hữu của các chủ thể đối với tài sản bị phá hủy, chấm dứt quan hệ hợp đồng do đối tượng của hợp đồng là vật đặc định không còn nữa... mà không do lỗi của bất kỳ chủ thể nào. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ dân sự do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Sự biến tương đối: Là sự kiện xảy ra do hành vi khởi phát của con người nhưng diễn biến và kết thúc của nó không phụ thuộc vào ý muốn và hành vi của con người, nói cách khác, con người không thể kiểm soát một cách hoàn toàn diễn biến của sự kiện ấy. Trong trường hợp này, chủ thể đã có hành vi làm phát sinh sự biến tương đối phải gánh chịu các hậu quả mà sự kiện đã gây ra cho các chủ thể khác. Ví dụ: ăn nhầm nấm độc bị chết,

b. Hành vi pháp lý

Là hành vi của các chủ thể nhằm làm phát sinh hậu quả pháp lý. Trong thực tiễn đây là dạng căn cứ phổ biến nhất vì chúng là phương tiện hữu hiệu cho các chủ thể thể hiện ý chí và thỏa mãn các lợi ích của mình. Trong đời sống hằng ngày chúng ta thực hiện rất nhiều các hành vi pháp lý khác nhau để xác lập các quan hệ pháp luật cụ thể từ đó tạo cho mình các quyền và nghĩa vụ, thỏa mãn các nhu cầu của mình (mua bán, vay mượn,...). Tuy nhiên cần phân biệt hành vi pháp lý và hành vi

thông thường (hành vi xã hội). Các hành vi pháp lý luôn gắn với một hậu quả pháp lý nào đó trong khi hành vi thông thường không tạo ra hậu quả pháp lý (xem lại lý luận chung về nhà nước và pháp luật). Hành vi pháp lý có thể là :

Hành vi hợp pháp: là hành vi có chủ định của chủ thể hướng đến việc xác lập các quan hệ pháp luật trên cơ sở quy định của pháp luật và phù hợp với các yêu cầu của pháp luật. Ví dụ: hành vi giao kết hợp đồng phù hợp với ý chí của các chủ thể và quy định của pháp luật về các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Hành vi bất hợp pháp: cũng là các sử xử của các chủ thể nhưng không phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như các nguyên tắc của pháp luật nói chung hoặc các quy tắc đạo đức đã được thừa nhận. Các hậu quả của hành vi này là việc áp dụng các chế tài luật định đối với các hành vi vi phạm pháp luật (áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại đối với chủ thể có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng,...cho người khác, tịch thu tài sản trong giao dịch dân sự vô hiệu do nội dung giao dịch vi phạm điều pháp luật cấm, trái đạo đức xã hội).

c. Xử sự pháp lý

Trong thực tế, có trường hợp khi chủ thể thực hiện một số hành vi, họ hoàn toàn không có mục đích làm phát sinh hậu quả pháp lý: xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự, nhưng do quy định của pháp luật mà hậu quả pháp lý phát sinh. Ví dụ: người nhặt được vật do người khác đánh rơi hoặc bỏ quên mà

biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại vật cho người đó; nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc công an cơ sở gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại .

d. Thời hạn và thời hiệu

Thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác , còn thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự . Như vậy, thời hạn và thời hiệu là một trong những sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự.

Ví dụ: Đến thời hạn phải trả nợ trong hợp đồng vay tài sản, nếu bên vay thực hiện xong nghĩa vụ thì quan hệ nghĩa vụ trả nợ giữa bên cho vay và bên vay chấm dứt, hoặc thời hiệu được hưởng quyền sở hữu đối với gia súc, gia cầm thất lạc,...

e. Bản án, quyết định của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đây chính là kết quả của quá trình áp dụng pháp luật, là những hoạt động cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào những sự kiện thực tế, dựa trên những quy phạm pháp luật phù hợp với những sự kiện thực tế đó để đưa ra những quyết định nhằm công nhận, bác bỏ quyền dân sự đối với một chủ thể, xác định và

buộc chủ thể phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định và nếu trong trường hợp các quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết.

Ví dụ: Bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án công nhận yêu cầu chia di sản thừa kế, chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản từ người chiếm hữu bất hợp pháp; Quyết định cưỡng chế, giải tỏa nhà xây cất, lấn chiếm lộ giới;....